

Tăng tỷ trọng

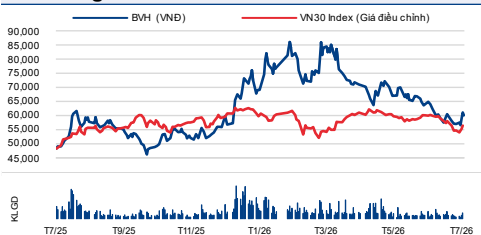
Giá mục tiêu: VNĐ75,600

Tiềm năng tăng/giảm: 25.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	60,100
Mã Bloomberg	BVH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	46,215-86,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	58,860
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	44,614
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,696
Slg CP lưu hành (tr.đv)	742
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	364
Slg CP NN được mua (tr.đv)	162
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.2%
Tỷ lệ freefloat	10.0%
Cổ đông lớn	Bộ Tài Chính (65.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Phí BH gốc (nghìn tỷ đ)	43.7	45.0	49.3
DT thuần HDBH (ntđ)	40.9	41.8	45.7
CP trực tiếp HDBH (ntđ)	(39.3)	(40.0)	(44.1)
Lãi/lỗ góp HD BH (ntđ)	1.63	1.71	1.61
LN HD tài chính (ntđ)	11.1	12.7	14.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	2.98	4.07	4.77
EPS (đồng)	3,931	5,377	6,301
DPS (đồng)	1,055	1,500	2,689
BVPS (đồng)	33,113	36,837	40,450
T. trưởng DT HDBH (%)	2.57	1.84	9.47
Tăng giảm BT & DP (%)	(5.27)	1.53	9.71
Tăng trưởng EPS (%)	41.1	36.8	17.2
Tăng trưởng DPS (%)	5.51	42.2	79.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	26.3	27.3	41.8
ROAE (%)	12.6	15.7	16.6
ROAA (%)	1.10	1.33	1.44
Vốn CSH/Tài sản (%)	8.42	8.51	8.81
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	8.23	9.11	9.18
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	91.8	90.9	90.8
Tỷ lệ bồi thường (%)	85.0	84.6	84.8
P/E (lần)	15.0	11.0	9.35
P/B (lần)	1.81	1.63	1.49
Lợi suất cổ tức (%)	1.76	2.50	4.47

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

BVH là tập đoàn bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ hàng đầu Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 tăng 50% so với cùng kỳ, vượt dự báo

- LNTT Q2 tăng 50% so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi, nhờ thu nhập đầu tư vượt kỳ vọng, trong khi lợi nhuận nửa đầu năm 2026 hoàn thành 45% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.
- Phí bảo hiểm nhân thọ giảm 2,5% nhưng tỷ suất lợi nhuận cải thiện đáng kể. Phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng nhanh (18%) quý thứ 2 liên tiếp, củng cố quan điểm của chúng tôi rằng BVH đang ưu tiên tăng trưởng doanh thu ở mảng này.
- Thu nhập đầu tư tăng 34% so với cùng kỳ, vượt dự báo nhờ lợi suất tiền gửi cải thiện. Lợi suất đầu tư bình quân tăng lên 5,9% (tăng 50 điểm cơ bản so với cùng kỳ và tăng 40 điểm cơ bản so với quý trước).
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 30/7/2026

BVH đã công bố KQKD Q2/2026 tích cực, cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở cả lợi nhuận mảng bảo hiểm và thu nhập đầu tư.

LNTT Q2 tăng 50% so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với dự báo

BVH đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 1,28 nghìn tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ và vượt 10% dự báo của chúng tôi. LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ, hoàn thành 45% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả tích cực này chủ yếu nhờ thu nhập đầu tư tăng 34% so với cùng kỳ. Trong khi đó, mặc dù tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm nhân thọ tốt hơn kỳ vọng, lợi nhuận mảng bảo hiểm sau chi phí bán hàng & quản lý vẫn giảm 3% so với cùng kỳ.

Tổng phí bảo hiểm tăng 2,3% nhờ mảng bảo hiểm phi nhân thọ

Phí bảo hiểm nhân thọ giảm 2,4% so với cùng kỳ, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi và tốt hơn bình quân thị trường (giảm 4,5% so với cùng kỳ).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, BVH

LNTT Q2 tăng mạnh 50,2% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% HSCF
Phí BH nhân thọ	8,667	8,452	-2.5%	16,662	16,119	-3.3%	49.4%
Phí BH phi nhân thọ & phí nhận tái BH	2,596	3,069	18.2%	5,400	6,604	22.3%	50.6%
Tổng phí BH	11,262	11,521	2.3%	22,061	22,723	3.0%	49.8%
Doanh thu phí BH	10,466	10,447	-0.2%	20,252	20,041	-1.0%	49.0%
Doanh thu mảng BH	10,661	10,704	0.4%	20,635	20,523	-0.5%	49.1%
Lợi nhuận góp mảng BH	593	983	65.9%	1,170	1,291	10.4%	75.3%
Lợi nhuận mảng BH (bao gồm chi phí BH&QL)	(1,912)	(1,968)	-2.9%	(3,663)	(3,955)	-8.0%	50.6%
Thu nhập từ đầu tư	3,229	4,325	33.9%	6,346	8,171	28.8%	48.8%
LNTT	855	1,283	50.2%	1,702	2,289	34.5%	45.1%
Các chỉ số quan trọng	Q2/25	Q2/26	Thay đổi (điểm %)	6T25	6T26	Thay đổi (điểm %)	2026 HSCF
Tỷ lệ chi phí BH nhân thọ	91.8%	87.0%	-4.8	92.8%	95.6%	2.8	97.4%
Tỷ lệ tổn thất BH phi nhân thọ	50.7%	52.0%	1.3	47.0%	47.2%	0.2	48.3%
Tỷ lệ chi phí (gộp)	33.2%	38.1%	4.9	33.1%	36.0%	3.0	32.7%
Tỷ suất lợi nhuận mảng BH (gộp)	-18.3%	-18.8%	-0.6	-18.1%	-19.7%	-1.6	-19.1%
Lợi suất đầu tư	5.4%	5.9%	0.5	5.4%	5.8%	0.4	5.9%

Nguồn: BVH, HSC

Trong khi đó, phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 18% so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi và tốt hơn bình quân ngành (tăng khoảng 16%). Phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng mạnh trong quý thứ 2 liên tiếp củng cố quan điểm của chúng tôi rằng Công ty đang ngày càng ưu tiên tăng trưởng doanh thu và mở rộng thị phần ở mảng bảo hiểm phi nhân thọ.

Tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm nhân thọ cải thiện đáng kể

Tỷ lệ chi phí bảo hiểm nhân thọ (tổng quyền lợi chi trả & dự phòng chia cho phí bảo hiểm nhân thọ) đã cải thiện đáng kể từ mức trên 100% trong Q1/2026 và 92% trong Q2/2025 xuống chỉ còn 87% trong Q2/2026, giúp giảm bình quân tỷ lệ này xuống 95,6% trong nửa đầu năm 2026. Chúng tôi cho rằng tác động của lãi suất tăng có thể đã phản ánh vào khoản nợ phải trả bảo hiểm trong Q2/2026 thông qua mức chiết khấu tăng lên, mặc dù BLĐ vẫn chưa xác nhận chính thức.

Tỷ lệ tổn thất mảng bảo hiểm phi nhân thọ, tăng 2 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên khoảng 52% trong Q2/2026. Tỷ lệ này trong nửa đầu năm 2026 là 47%, vẫn trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, phí bảo hiểm tăng mạnh có thể gây sức ép lên tỷ lệ tổn thất trong thời gian tới nếu đạt được bằng cách nới lỏng tiêu chuẩn thẩm định hoặc cạnh tranh về giá quyết liệt hơn.

Thu nhập đầu tư vượt dự báo nhờ lợi suất tiền gửi tăng

Thu nhập đầu tư tăng 34% so với cùng kỳ nhờ tiền mặt & tài sản đầu tư tăng 24% (nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi) và lợi suất đầu tư tăng 50 điểm cơ bản lên 5,9% (tăng 40 điểm cơ bản so với quý trước). Lợi suất đầu tư cải thiện chủ yếu nhờ lợi suất tiền gửi tăng lên, tăng 70 điểm cơ bản so với cùng kỳ và 50 điểm cơ bản so với quý trước, vượt kỳ vọng của chúng tôi.

Cơ cấu tài sản nhìn chung ổn định với 57% tiền mặt & tiền gửi, 40% trái phiếu và 3% cổ phiếu & các tài sản khác.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, BVH đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,56 lần, thấp hơn một chút so với bình quân quá khứ ở mức 1,6 lần và thấp hơn đáng kể so với mức đỉnh gần đây là 2,2 lần tại thời điểm đầu năm.

Tuy nhiên, KQKD Q2/2026 rất tích cực và cao hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi ở cả hoạt động bảo hiểm và thu nhập đầu tư. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Phí bảo hiểm gốc	42.6	43.7	45.0	49.3	54.9
Phí nhận tái BH	0.22	0.40	0.63	0.65	0.67
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng	(0.14)	(0.38)	(0.70)	(0.71)	(0.77)
Doanh thu phí BH	42.7	43.7	45.0	49.3	54.8
Phí nhượng tái BH	(3.54)	(3.60)	(4.10)	(4.52)	(5.01)
Doanh thu phí BH thuần	39.1	40.1	40.9	44.7	49.8
Doanh thu khác	0.70	0.80	0.88	0.95	1.05
Doanh thu thuần HĐ BH	39.8	40.9	41.8	45.7	50.8
Chi bồi thường bảo hiểm và dự phòng	(36.7)	(34.8)	(35.3)	(38.7)	(42.6)
Chi b.thường BH và chi trả đ.hạn khác (ròng)	(4.08)	(4.52)	(4.73)	(5.35)	(5.48)
Khoản giảm trừ chi phí, thu đòi và thu khác	0	0	0	0	0
Tổng chi phí trực tiếp HĐ BH	(40.8)	(39.3)	(40.0)	(44.1)	(48.1)
Lãi/lỗ gộp HĐ BH	(0.97)	1.63	1.71	1.61	2.78
Chi phí quản lý	(7.07)	(9.12)	(9.53)	(10.6)	(11.3)
Lợi nhuận HĐ tài chính	10.6	11.1	12.7	14.9	15.5
LN trong Cty LD, LK	0.09	0.11	0.12	0.09	0.09
Lợi nhuận khác	0.04	(0.01)	0.03	0.03	0.03
LNTT	2.66	3.71	5.08	6.06	7.19
Chi phí thuế TNDN	(0.47)	(0.65)	(0.89)	(1.15)	(1.37)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.08)	(0.08)	(0.12)	(0.14)	(0.16)
Lợi nhuận thuần	2.11	2.98	4.07	4.77	5.66
EPS (đồng)	2,843	4,012	5,487	6,429	7,631
DPS (đồng)	1,000	1,055	1,500	2,689	3,150
BVPS (đồng)	30,434	33,113	36,837	40,450	44,777
Sig CP bình quân (triệu đv)	742	742	742	742	742
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng phí BH gốc (%)	(0.11)	2.64	3.03	9.52	11.3
Tăng trưởng doanh thu phí BH thuần (%)	(0.55)	2.57	1.84	9.47	11.3
Tăng/giảm phí bồi thường và dự phòng (%)	(4.74)	(5.27)	1.53	9.71	9.90
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ tài chính (%)	(1.33)	4.99	14.7	17.2	4.10
Tăng trưởng LNTT (%)	19.1	39.5	36.7	19.4	18.6
Tăng trưởng lợi nhuận thuần (%)	18.3	41.1	36.8	17.2	18.7
Tăng trưởng tổng tài sản (%)	13.7	16.2	10.1	6.00	6.45
Định giá					
P/E (lần)	21.1	15.0	11.0	9.35	7.88
P/B (lần)	1.97	1.81	1.63	1.49	1.34
Lợi suất cổ tức (%)	1.66	1.76	2.50	4.47	5.24

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1.46	4.19	2.74	4.00	4.45
Đầu tư ngắn hạn	104	127	142	145	154
Phải thu ngắn hạn	11.5	14.4	14.2	15.0	16.7
Hàng tồn kho	0.10	0.07	0.08	0.08	0.08
Tài sản tái BH	3.56	3.71	4.00	4.66	5.39
Tài sản ngắn hạn khác	0.67	0.74	0.73	0.75	0.83
Tổng tài sản ngắn hạn	121	150	164	170	182
Phải thu dài hạn	0.07	0.08	0.09	0.10	0.11
Tài sản cố định	2.13	1.96	1.79	1.79	1.79
Đầu tư vào Cty LD, LK	2.88	2.93	2.81	2.93	3.05
Đầu tư dài hạn khác	125	136	153	166	176
Tài sản dài hạn khác	0.22	0.26	0.27	0.30	0.33
Tổng tài sản dài hạn	130	141	158	171	181
Tổng tài sản	251	292	321	341	363
Nợ phải trả và VCSH					
Phải trả người bán	2.46	2.97	3.25	3.65	3.99
Phải trả người lao động	1.70	2.50	1.83	2.00	2.22
Phải trả hợp đồng repo	32.1	53.2	64.9	64.9	64.9
Doanh thu chưa thực hiện	0.64	0.71	0.69	0.60	0.67
Nợ ngắn hạn	2.91	4.07	4.05	4.05	4.05
Phải trả ngắn hạn khác	0.40	0.50	0.69	0.75	0.83
Nợ ngắn hạn khác	0.61	0.85	0.87	0.80	0.89
Tổng nợ ngắn hạn	40.8	64.8	76.3	76.8	77.6
Dự phòng nghiệp vụ BH	187	201	216	232	250
Nợ dài hạn	0	0.00	0.00	0.00	0.00
Nợ dài hạn khác	0.31	0.31	0.32	0.35	0.39
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	228	266	293	309	328
Vốn điều lệ	7.42	7.42	7.42	7.42	7.42
Thặng dư vốn cổ phần	7.31	7.31	7.31	7.31	7.31
Quỹ & quỹ dự trữ	3.85	4.80	6.18	7.89	9.89
Lợi nhuận giữ lại	4.01	5.05	6.43	7.40	8.61
Vốn chủ sở hữu	22.6	24.6	27.3	30.0	33.2
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.97	1.03	1.12	1.19	1.27
Tổng vốn chủ sở hữu	23.6	25.6	28.5	31.2	34.5
Tổng nợ phải trả và VCSH	251	292	321	341	363

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	0.89	1.10	1.33	1.44	1.61
ROAE (%)	9.61	12.6	15.7	16.6	17.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.2	26.3	27.3	41.8	41.3
Chỉ số an toàn vốn					
VCSH/Tài sản (%)	8.99	8.42	8.51	8.81	9.17
Tài sản BQ/VCSH BQ (x)	10.8	11.5	11.8	11.5	11.1
Chỉ số HKKD bảo hiểm					
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	8.30	8.23	9.11	9.18	9.14
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	91.7	91.8	90.9	90.8	90.9
Tỷ lệ bồi thường (%)	92.2	85.0	84.6	84.8	83.8
Tỷ lệ chi phí (%)	28.0	33.3	34.1	34.9	32.9
Tỷ lệ hỗn hợp (%)	120	118	119	120	117

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn